| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 8 - 2023
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Châu Minh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Vũ Thị Huệ

Ông Dương Văn Tân

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1994, (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N (nay là Khóm 2, Phường O), thị xã P, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1974, (vắng mặt);

Địa chỉ: Hàn Quốc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự tìm hiểu, quen biết nhau được hơn 1-2 tháng thì tiến đến hôn nhân. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2012 và Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau khoảng 01 tuần tại khách sạn ở Thành phố Hồ Chí Minh và nhà cha mẹ chị A ở Bạc Liêu, sau đó anh B về Hàn Quốc sinh sống cho đến nay. Sau khi anh B trở về Hàn Quốc có làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ nhưng do hoàn cảnh gia đình chị A gặp khó khăn, mẹ chị A bị bệnh nên chị A có nói với anh B việc chị A không sang Hàn Quốc để chung sống với anh B nữa nên anh B không sang Việt Nam. Vợ chồng anh chị đã không còn liên lạc và không còn chung sống với nhau hơn 10 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi không thể đoàn tụ, nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác định chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 15/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được Công văn số 862/BTP-PLQT ngày 04/5/2023 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả tống đạt hồ sơ ủy thác tư pháp đối với anh B, với nội dung sau khi được dịch thuật: "Không thể giao do người nhận không xác định". Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục yêu cầu Ban Đối ngoại – Đài Tiếng nói Việt Nam đăng tin thông báo phiên tòa đối với anh B. Tuy nhiên, anh B không có mặt tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị A phải chịu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B có quốc tịch Hàn Quốc có địa chỉ: Hàn Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với anh B theo quy định của pháp luật nhưng anh B không về Việt Nam tham gia phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, nên căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[2.2] Ngày 22/5/2023, chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2012 tại Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam và căn cứ giấy xác nhận ghi chú kết hôn do Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu cấp nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chỉ chung sống với nhau trong thời gian ngắn khoảng 01 tuần tại Việt Nam thì anh B về Hàn Quốc cho đến nay hơn 10 năm, anh chị mỗi người một nơi, không thể đoàn tụ, không còn tình cảm với anh B nên chị A yêu cầu ly hôn. Đối với anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về con chung: Chị A xác định chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định chị và anh B không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, chi phí ủy thác tư pháp và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chi phí ủy thác tư pháp và lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 122; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Chị A xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí, chi phí ủy thác tư pháp và lệ phí ủy thác tư pháp:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000269 ngày 27/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4.2. Lệ phí ủy thác tư pháp: Chị A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Chị A đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0000099 ngày 08/11/2022, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, không được hoàn lại.

4.3. Chi phí ủy thác tư pháp (phí đăng tin): Chị A phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng), chị A đã nộp xong, không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Châu Minh Nguyệt**